

Phù Ninh, ngày 21 tháng 6 năm 2024

Số: 06/2024/QĐST-DS

QUYẾT ĐỊNH

CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 13 tháng 6 năm 2024 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 78/2023/TLST-DS ngày 15 tháng 12 năm 2023 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Ánh P, sinh năm 1956. Nơi cư trú: Khu B, thị trấn P, huyện P, tỉnh Phú Thọ.

Bị đơn: Ông Nguyễn Văn B, sinh năm 1970 và bà Dương Thị L, sinh năm 1972. Nơi cư trú: Khu B, thị trấn P, huyện P, tỉnh Phú Thọ. Đại diện theo ủy quyền của bà L là ông Nguyễn Văn B (theo giấy ủy quyền ngày 24/5/2024 lập tại UBND thị trấn P).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh Nguyễn Hoàng H, sinh năm 1987. Nơi cư trú: Khu B, thị trấn P, huyện P, tỉnh Phú Thọ. Đại diện theo ủy quyền của anh H là bà Nguyễn Thị Ánh P (theo giấy ủy quyền ngày 08/5/2024).

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về số tiền gốc, tiền lãi: Tính đến ngày 13/6/2024, anh Nguyễn Văn B và chị Dương Thị L còn nợ bà Nguyễn Thị Ánh P tổng số tiền bao gồm cả gốc, lãi là 98.000.000đ (Chín mươi tám triệu đồng).

- Trong đó có 80.000.000đ (Tám mươi triệu đồng) tiền gốc cụ thể các lần vay tiền như sau:

Tại Giấy vay tiền ngày 26/11/2016 (dương lịch) bà **P** cho vợ chồng anh **B**, chị **L** vay số tiền gốc là 25.000.000đ (hai mươi lăm triệu đồng) thời hạn trả tiền là 05 ngày kể từ ngày vay.

Tại Giấy vay tiền ngày 16/10/2016 (âm lịch) bà **P** cho vợ chồng anh **B**, chị **L** vay số tiền gốc là 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng) thời hạn trả tiền là 01 tháng kể từ ngày vay.

Tại Giấy vay tiền ngày 22/12/2016 âm lịch bà **P** cho vợ chồng anh **B**, chị **L** số tiền gốc là 25.000.000đ (hai mươi lăm triệu đồng) thời hạn trả tiền là 30 ngày kể từ ngày vay.

- Số tiền lãi là 18.000.000đ (mười tám triệu đồng).

2.2. Phương thức trả nợ, thanh toán bà **P**, anh **B** thống nhất như sau:

- Lần 1: Ngày 26/6/2024 vợ chồng anh **B**, chị **L** trả cho bà **P** số tiền là 3.000.000đ (Ba triệu đồng chẵn).

- Lần 2: Ngày 26/7/2024 vợ chồng anh **B**, chị **L** trả cho bà **P** số tiền là 3.000.000đ (Ba triệu đồng chẵn).

- Lần 3: Ngày 26/8/2024 vợ chồng anh **B**, chị **L** trả cho bà **P** số tiền là 3.000.000đ (Ba triệu đồng chẵn).

- Lần 4: Ngày 26/9/2024 vợ chồng anh **B**, chị **L** trả cho bà **P** số tiền là 3.000.000đ (Ba triệu đồng chẵn).

- Lần 5: Ngày 26/10/2024 vợ chồng anh **B**, chị **L** trả cho bà **P** số tiền là 3.000.000đ (Ba triệu đồng chẵn).

- Lần 6: Ngày 26/11/2024 vợ chồng anh **B**, chị **L** trả cho bà **P** số tiền là 3.000.000đ (Ba triệu đồng chẵn).

- Lần 7: Ngày 26/12/2024 vợ chồng anh **B**, chị **L** trả cho bà **P** số tiền là 3.000.000đ (Ba triệu đồng chẵn).

- Lần 8: Ngày 26/01/2025 vợ chồng anh **B**, chị **L** trả cho bà **P** số tiền là 3.000.000đ (Ba triệu đồng chẵn).

- Lần 9: Ngày 26/02/2025 vợ chồng anh **B**, chị **L** trả cho bà **P** số tiền là 3.000.000đ (Ba triệu đồng chẵn).

- Lần 10: Ngày 26/03/2025 vợ chồng anh **B**, chị **L** trả cho bà **P** số tiền là 3.000.000đ (Ba triệu đồng chẵn).

- Lần 11: Ngày 26/4/2025 vợ chồng anh **B**, chị **L** trả cho bà **P** số tiền là 3.000.000đ (Ba triệu đồng chẵn).

- Lần 12: Ngày 26/5/2025 vợ chồng anh **B**, chị **L** trả cho bà **P** số tiền là 3.000.000đ (Ba triệu đồng chẵn).

- Lần 13: Ngày 26/6/2025 vợ chồng anh **B**, chị **L** trả cho bà **P** số tiền là

3.000.000đ (Ba triệu đồng chẵn).

- Lần 14: Ngày 26/7/2025 vợ chồng anh **B**, chị **L** trả cho bà **P** số tiền là 3.000.000đ (Ba triệu đồng chẵn).

- Lần 15: Ngày 26/8/2025 vợ chồng anh **B**, chị **L** trả cho bà **P** số tiền là 3.000.000đ (Ba triệu đồng chẵn).

- Lần 16: Ngày 26/9/2025 vợ chồng anh **B**, chị **L** trả cho bà **P** số tiền là 3.000.000đ (Ba triệu đồng chẵn).

- Lần 17: Ngày 26/10/2025 vợ chồng anh **B**, chị **L** trả cho bà **P** số tiền là 3.000.000đ (Ba triệu đồng chẵn).

- Lần 18: Ngày 26/11/2025 vợ chồng anh **B**, chị **L** trả cho bà **P** số tiền là 3.000.000đ (Ba triệu đồng chẵn).

- Lần 19: Ngày 26/12/2025 vợ chồng anh **B**, chị **L** trả cho bà **P** số tiền là 3.000.000đ (Ba triệu đồng chẵn).

- Lần 20: Ngày 26/01/2026 vợ chồng anh **B**, chị **L** trả cho bà **P** số tiền là 3.000.000đ (Ba triệu đồng chẵn).

- Lần 21: Ngày 26/02/2026 vợ chồng anh **B**, chị **L** trả cho bà **P** số tiền là 3.000.000đ (Ba triệu đồng chẵn).

- Lần 22: Ngày 26/3/2026 vợ chồng anh **B**, chị **L** trả cho bà **P** số tiền là 3.000.000đ (Ba triệu đồng chẵn).

- Lần 23: Ngày 26/4/2026 vợ chồng anh **B**, chị **L** trả cho bà **P** số tiền là 3.000.000đ (Ba triệu đồng chẵn).

- Lần 24: Ngày 26/5/2026 vợ chồng anh **B**, chị **L** trả cho bà **P** số tiền là 3.000.000đ (Ba triệu đồng chẵn).

- Lần 25: Ngày 26/6/2026 vợ chồng anh **B**, chị **L** trả cho bà **P** số tiền là 3.000.000đ (Ba triệu đồng chẵn).

- Lần 26: Ngày 26/7/2026 vợ chồng anh **B**, chị **L** trả cho bà **P** số tiền là 3.000.000đ (Ba triệu đồng chẵn).

- Lần 27: Ngày 26/8/2026 vợ chồng anh **B**, chị **L** trả cho bà **P** số tiền là 3.000.000đ (Ba triệu đồng chẵn).

- Lần 28: Ngày 26/9/2026 vợ chồng anh **B**, chị **L** trả cho bà **P** số tiền là 3.000.000đ (Ba triệu đồng chẵn).

- Lần 29: Ngày 26/10/2026 vợ chồng anh **B**, chị **L** trả cho bà **P** số tiền là 3.000.000đ (Ba triệu đồng chẵn).

- Lần 30: Ngày 26/11/2026 vợ chồng anh **B**, chị **L** trả cho bà **P** số tiền là 3.000.000đ (Ba triệu đồng chẵn).

- Lần 31: Ngày 26/12/2026 vợ chồng anh **B**, chị **L** trả cho bà **P** số tiền là

3.000.000đ (Ba triệu đồng chẵn).

- Lần 32: Ngày 26/01/2027 vợ chồng anh **B**, chị **L** trả cho bà **P** số tiền là 3.000.000đ (Ba triệu đồng chẵn).

- Lần 33: Ngày 26/02/2027 vợ chồng anh **B**, chị **L** trả cho bà **P** số tiền là 2.000.000đ (Hai triệu đồng chẵn).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày 21/6/2024 cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2.3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Miễn án phí dân sự cho bà **Nguyễn Thị Ánh P** theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14 Nghị Q quyết số: 326 /2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

- Ông **Nguyễn Văn B** và bà **Dương Thị L** phải chịu 1.225.000đ (Một triệu hai trăm hai mươi lăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện Phù Ninh;
- Chi cục THADS huyện Phù Ninh;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Trần Anh Quang